

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày 27-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Quyết
Ông Bùi Văn Ổn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 19/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 06/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ, ngày 17/11/2020 đối với các bị cáo:

1. QUÁCH VĂN Q, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1998 tại Hòa Bình. Nơi ĐKKHTT: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn L và bà Bùi Thị P; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 33/2020/HS-ST, ngày 04/9/2020).

Bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 26/5/2020 theo quyết định tạm giam trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Quách Văn Q: Ông Vũ Đình H – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. BÙI VĂN L, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2003 tại Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị D; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L: Ông Bùi Văn M - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1959. Trú tại: xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Ông Bùi Văn T, sinh năm 1959. Trú tại: xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người đại diện cho ông Bùi Văn T: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1959. Trú tại: xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1975. Trú tại: Xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Ông Quách Văn L, sinh năm 1977. Trú tại: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 13/5/2020, Bùi Văn L dùng xe mô tô BKS 28M1-078.xx, chở Quách Văn Q đi quanh khu vực xã Q, huyện Lạc Sơn với mục đích bắt trộm chó nhưng không bắt được. Sau đó, Q rủ L đến quán hàng tạp hóa của gia đình bà Bùi Thị M ở xóm C, xã Q để trộm cắp tài sản thì L đồng ý. L chở Q đến cách quán hàng tạp hóa khoảng 30m thì dừng xe cho Q xuống trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản còn L đi lại bên ngoài quan sát, cảnh giới. Q đi vòng ra phía sau quán hàng, kéo tấm bạt che phía sau tạo ra khe hở và quan sát thấy bên trong bà M đang ngủ, bên cạnh bà M có để một túi xách vải màu đỏ. Q biết bà M thường để tiền bán hàng trong túi này nên bẻ một cành cây dài khoảng 70 cm dùng để khều chiếc túi. Lấy được túi, Q mang đến khu vực nương nước cách cửa hàng tạp hóa khoảng 300m mở ra kiểm tra bên trong thấy có khoảng hơn 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng, một số giấy tờ và chìa khóa. Q lấy hết tiền cho vào túi quần của mình và vứt lại túi cùng giấy tờ, chìa khóa. Ngay sau đó L đi đến, Q nói với L là chỉ trộm được hơn 1.000.000 đồng và chia cho L 200.000 đồng rồi cả hai cùng đi đến thành phố Hòa Bình tiêu dùng hết số tiền trộm cắp được cho mục đích cá nhân. Quá trình điều tra bà Bùi Thị M khai bị mất số tiền 4.870.000 (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng. Các giấy tờ là giấy ghi nợ những người mua hàng.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ gồm: 01 túi xách bằng vải màu đỏ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS 28M1-078.xx, nhãn hiệu Honda Airblade. Các tang vật trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình chờ xử lý. Đối với đoạn cành cây bị cáo Q dùng khều túi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Theo kết luận tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/ĐG-HĐĐG ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết

lượn: Chiếc túi vải màu đỏ, có quai xách nối với túi bằng khuyên kim loại đã qua sử dụng có giá trị thực tế tại thời điểm bị xâm hại là 0 (Không) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị M yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 4.870.000 (Bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo Quách Văn Q, Bùi Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Nhận định các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo các quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Quách Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt Bùi Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù và cho hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Về tang vật của vụ án: Đối với chiếc túi vải màu đỏ và các giấy tờ, chìa khóa trong túi cần trả lại cho bị hại Bùi Thị M. Đối với chiếc xe mô tô BKS 28M1- 078.xx là phương tiện các bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản nhưng thuộc sở hữu của bà Bùi Thị D, bà D không biết bị cáo L lấy xe để đi thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại xe cho bà Bùi Thị D. Về trách nhiệm dân sự cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền đã trộm cắp và tiêu xài.

Bị hại là bà Bùi Thị M đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: xác nhận gia đình bị cáo Quách Văn Q đã bồi thường được 2.000.000 đồng, bị cáo Bùi Văn L đã bồi thường được 255.000 đồng, yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường đầy đủ khoản tiền còn thiếu là 2.615.000 đồng.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bùi Văn L xin được hưởng án treo. Bị cáo Quách Văn Q khai nhận sau khi lấy được túi từ quán nhà bà M có đếm được hơn 4.000.000 đồng gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau, trong đó có nhiều tiền lẻ nhưng bị cáo không đếm kỹ và chấp nhận mức bồi thường do bị hại yêu cầu. Bị cáo Bùi Văn L được bị cáo Quách Văn Q chia cho 255.000 đồng và bồi thường đủ, số còn lại 2.615.000 đồng bị cáo Quách Văn Q nhận bồi thường.

Người bào chữa cho bị cáo Quách Văn Q và người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L đều nhất trí nội dung cáo trạng phản ánh, đồng thuận với tội danh, các điều khoản pháp luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ khác là các bị cáo tuổi còn trẻ, phạm tội do nhất thời bồng bột và các bị cáo đều sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và là hộ cận nghèo. Người bào chữa cho bị cáo Quách Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Quách Văn Q từ 06

đến 09 tháng tù. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn L 06 tháng tù và xin cho bị cáo hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Văn L xác nhận khoản tiền 2.000.000 đồng bồi thường thay cho bị cáo Quách Văn Q là tiền của gia đình và không có yêu cầu bị cáo Quách Văn Q bồi hoàn khoản tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị D xác nhận khoản tiền 255.000 đồng bồi thường thay cho bị cáo Bùi Văn L là tiền của gia đình và không có yêu cầu bị cáo Bùi Văn L bồi hoàn khoản tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo*: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/5/2020, các bị cáo Q và L cùng nhau đi bắt trộm chó nhưng không được nên bị cáo Q rủ bị cáo L đến quán tạp hóa của gia đình bà Bùi Thị M để trộm cắp tài sản. Các bị cáo đã trộm cắp được tài sản là tiền VND. Bị hại khai mất 4.870.000 đồng. Bị cáo Q thừa nhận trộm được hơn 4.000.000 nhưng không đếm kỹ số tiền lẻ. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình. Tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt nằm trong khoảng từ 2.000.000 đến dưới 50.000.000 đồng. Như vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo*: Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật; các bị cáo đều có sức khỏe nhưng lười lao động, chỉ lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo Quách Văn Q có nhân thân xấu đã bị xử phạt tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo*: Các bị cáo đều cùng nhau thực hiện tội phạm. Trước khi các bị cáo trộm cắp tiền, các bị cáo cùng nhau đi trộm chó nhưng không được nên nảy sinh ý định trộm tài sản của bà M; ý định nảy sinh nhất thời, không có kế hoạch, phân công chi tiết. Do vậy,

hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ mà chỉ là đồng phạm đơn giản. Tuy nhiên, trong vụ án này vai trò chính, chủ mưu thuộc về bị cáo Quách Văn Q; bản thân bị cáo Q là người thành niên, nảy sinh ý định và rủ bị cáo L trộm cắp và cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Do vậy, bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Bùi Văn L. Hình phạt của bản án này đối với Quách Văn Q cũng được tổng hợp với hình phạt theo bản án số 33/2020/HS-ST, ngày 04/9/2020 của TAND huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; bị cáo Quách Văn Q phải chịu mức hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo L có vai trò đồng phạm giúp sức; bản thân chuẩn bị xe và chở Q đến nơi trộm cắp, cảnh giới cho Q thực hiện tội phạm. Do vậy, Bùi Văn L cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình thực hiện.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo phạm tội lần đầu. Bị cáo Q mặc dù đã bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 26/5/2020) xảy ra sau hành vi trộm cắp tài sản (ngày 13/5/2020) và trước thời điểm trộm cắp tài sản bị cáo chưa từng phạm tội nên lần phạm tội này được coi là phạm tội lần đầu theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP, ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hành vi phạm tội của các bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 nên thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, các bị cáo thuộc hộ nghèo, sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đối với bị cáo Bùi Văn L khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định về chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Xét, bị cáo Bùi Văn L ngoài lần phạm tội này luôn chấp đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của người bào chữa, của bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về tang vật của vụ án:* Đối với chiếc túi vải màu đỏ, các giấy tờ và chìa khóa là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị M nên cần trả lại cho bà Bùi Thị M. Đối với vật chứng là xe mô tô BKS 28M1-078.xx là tài sản thuộc sở hữu của bà Bùi

Thị D. Khi bị cáo L mang xe đi trộm cắp tài sản thì bà D không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho bà D.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Bùi Thị M yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền do các bị cáo chiếm đoạt. Các bị cáo đã bồi thường được 2.255.000 đồng (Bị cáo Q bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo Linh bồi thường 255.000 đồng), số tiền còn lại phải bồi thường là 2.615.000 đồng tại phiên tòa các bị cáo, bị hại thỏa thuận bị cáo Quách Văn Q có nghĩa vụ bồi thường. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 55, 56, 58; của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Quách Văn Q;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90, Khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn L;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Quách Văn Q, Bùi Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quách Văn Q 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 33/2020/HS-ST, ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; bị cáo Quách Văn Q phải chịu mức hình phạt chung là 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày theo quyết định của Bản án số 33/2020/HS-ST, ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình là ngày 26/5/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án 27/11/2020.

Giao bị cáo Bùi Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Bùi Văn L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Bùi Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 28M1-078.xx; số khung: 6305FZ138xxx; số máy: JF63E1492xxx, yên xe có vết rách.

Trả lại cho bà Bùi Thị M 01 chiếc túi vải màu đỏ, có quai xách nối với túi

bằng khuyên kim loại đã qua sử dụng, bên trong có 02 chìa khóa và 03 mảnh giấy (Niêm phong có mã số NS1A:070915, Ký hiệu NS1).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK 0003 ngày 15/10/2020).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 5 Điều 275, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Quách Văn Q và Bùi Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Bùi Thị M số tiền 4.870.000 (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng là tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt (Trong đó bị cáo Quách Văn Q phải bồi thường 4.615.000 đồng, bị cáo Bùi Văn L phải bồi thường 255.000 đồng); Bị cáo Bùi Văn L đã bồi thường xong, bị cáo Quách Văn Q đã bồi thường được 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 2.615.000 (*Hai triệu, sáu trăm mười lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Quách Văn Q phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự. Bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Q – Lạc Sơn – Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn